



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Trụ sở chính TP.HCM: Lô 46, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM – ĐT: 08 3754 3188 – Fax: 08 3754 31899
CN Vĩnh Long: Lô A11, A12, 1A, 1B, KCN Bình Minh, H. Bình Minh, T. Vĩnh Long – ĐT 070 3765555 – Fax: 070 3742244.

TP.HCM, Ngày 26 tháng 03 năm 2018

THƯ GIẢI TRÌNH

(Giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC năm 2017 của đơn vị lập và BCTC kiểm toán)

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật và Ô Tô Trường Long giải trình về việc chênh lệch số liệu của Báo cáo tài chính năm 2017 do Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật và Ô Tô Trường Long tự lập so với Báo cáo tài chính sau kiểm toán như sau:

1. Trên Bảng cân đối kế toán:

| Chỉ tiêu thay đổi | Mã chỉ tiêu | Số liệu trên Bảng KQKD do đơn vị lập | Số liệu trên Bảng KQKD sau kiểm toán | Chênh lệch | Nguyên nhân chênh lệch |
|---------------------------------------|-------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|--|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 431,550,300,302 | 431,598,703,753 | (48,403,451) | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 12,293,084,574 | 12,293,084,574 | - | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 1,955,532,791 | 1,670,532,791 | 285,000,000 | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 1,955,532,791 | 1,670,532,791 | 285,000,000 | Điều chỉnh phân loại trình bày các khoản tiền gửi có kỳ hạn thu hồi dưới 12 tháng sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 80,740,027,247 | 80,736,422,972 | 3,604,275 | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 3,130,132,954 | 3,126,528,679 | 3,604,275 | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 329,001,632,257 | 329,338,639,916 | (337,007,659) | Điều chỉnh tăng hàng tồn kho do hạch toán thiếu |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 7,560,023,433 | 7,560,023,500 | (67) | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 107,704,235,223 | 107,989,235,156 | (284,999,933) | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | - | - | - | |
| II. Tài sản cố định | 220 | 51,884,355,379 | 51,884,355,312 | 67 | |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | - | - | - | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 460,115,455 | 460,115,455 | - | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 20,148,000,000 | 20,433,000,000 | (285,000,000) | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 150,000,000 | 435,000,000 | (285,000,000) | Điều chỉnh phân loại trình bày các khoản tiền gửi có kỳ hạn thu hồi dưới 12 tháng sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 35,211,764,389 | 35,211,764,389 | - | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 539,254,535,525 | 539,587,938,909 | (333,403,384) | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 323,906,884,070 | 307,206,594,241 | 16,700,289,829 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 322,722,573,579 | 306,022,283,750 | 16,700,289,829 | |



| | | | | | | |
|-----|--|------|-----------------|-----------------|------------------|---|
| | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 6,311,617,797 | 6,063,703,047 | 247,914,750 | Tính lại thuế TNDN sau khi giảm chi phí lương. |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | 6,882,354,983 | 8,663,953,904 | (1,781,598,921) | Hạch toán giảm lương tháng 13 theo thực chi so với số liệu tạm trích trong năm. |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20,360,450,221 | 2,360,450,221 | 18,000,000,000 | Hạch toán bổ sung phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2017 |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | 1,184,310,491 | 1,184,310,491 | - | |
| D - | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 215,347,651,455 | 232,381,344,668 | (17,031,693,213) | |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | 215,347,651,455 | 232,381,344,668 | (17,031,693,213) | |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 95,347,651,455 | 112,381,344,668 | (17,033,693,213) | |
| | lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 68,643,756,321 | 86,643,756,321 | (18,000,000,000) | Hạch toán bổ sung phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2017 |
| - | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | 26,703,895,134 | 25,737,588,347 | 966,306,787 | Lợi nhuận thay đổi sau khi chi phí giảm và tính lại thuế TNDN |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 539,254,535,525 | 539,587,938,909 | (333,403,384) | |

2. Trên Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

| Chỉ tiêu thay đổi | Mã chỉ tiêu | Số liệu trên Bảng KQKD do đơn vị lập | Số liệu trên Bảng KQKD sau kiểm toán | Chênh lệch | Nguyên nhân |
|--|-------------|--------------------------------------|--------------------------------------|---------------|---|
| Giá vốn hàng bán | 11 | 724,778,913,665 | 724,425,684,091 | (353,229,574) | Hạch toán giảm lương tháng 13 theo thực chi so với số liệu tạm trích trong năm. |
| Chi phí bán hàng | 25 | 35,760,411,851 | 35,421,170,929 | (339,240,922) | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21,911,625,568 | 21,389,263,527 | (522,362,041) | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 8,130,360,203 | 8,378,274,953 | 247,914,750 | Tính lại thuế TNDN sau khi giảm chi phí lương. |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 25,737,588,347 | 26,703,895,134 | 966,306,787 | Lợi nhuận thay đổi sau khi chi phí giảm và tính lại thuế TNDN |

Trên đây là giải trình của công ty chúng tôi về một vài chỉ tiêu thay đổi tại Báo cáo tài chính năm 2017 do đơn vị lập và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 đơn vị kiểm toán phát hành.

Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật và Ô Tô Trường Long báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước và sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Là Thị Loanh Phương